

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 683/2017/HSPT
Ngày : 27/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Uyên Thy**

Các Thẩm phán:

1/ Bà Quách Thanh Bình;

2/ Ông Phạm Thao.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang – Cán bộ
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 637/2017/HSPT ngày 06/11/2017 đối với bị cáo Từ Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 177/2017/HSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Từ Văn T; sinh năm 1983 tại Thành phố H; Nơi cư trú: C14/42 ấp 3, xã B1, huyện B, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: xây dựng; Trình độ học vấn: 12/12; con ông X (1961) và bà Y (1961); tại phiên tòa bị cáo khai có vợ là D (1991) và chưa có con; Tiền án, tiền sự: không;

Bị bắt, tạm giam từ ngày 13/4/2017 (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2013, ông Mã Tấn C và ông Lê Văn T1 hùn tiền mua phần đất diện tích 215m² thuộc thửa 542 tờ bản đồ số 4, xã Tân Quý Tây, huyện Bình

Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm. Do là người có hộ khẩu trong quận nội thành nên ông C, ông T1 nhờ Từ Văn T làm dịch vụ sang tên phần đất trên cho vợ chồng ông Nguyễn Văn B (ông B là em rể của ông Lê Văn T1) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tháng 02/2016 ông C, ông T1 muốn bán phần đất trên nên ông T1 liên hệ nhờ Từ Văn T làm dịch vụ chuyển mục đích sử dụng phần đất trên từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở. Từ Văn T tìm hiểu thì được biết thửa đất trên bị quy hoạch lộ giới chỉ còn khoảng 41m² không thể chuyển mục đích thành đất ở nhưng do cần tiền để trả nợ nên Từ Văn T nhận lời giúp ông T1. Khoảng tháng 3/2016, Từ Văn T thông báo cho ông T1 phí dịch vụ chuyển mục đích sử dụng đất là 30.000.000 đồng và ông T1 đồng ý. Sau đó, Từ Văn T nhận của ông T1 số tiền 30.000.000 đồng và 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03047 (do ông Nguyễn Văn B đứng tên) để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng thửa đất trên như đã thỏa thuận.

Sau khi nhận bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông T1 giao, Từ Văn T mang về rồi sử dụng máy vi tính và máy in làm giả nội dung biến động với nội dung: *“Một phần thửa đất số 542 (150m)² đã chuyển mục đích sử dụng thành đất ở tại nông thôn (ONT) theo quyết định số 5643/QĐ-UBND ngày 11/8/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. Chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính (nợ tiền sử dụng đất) theo đơn ghi nợ tiền sử dụng đất ngày 28/11/2014 diện tích đất nông nghiệp còn lại 65,0m² theo hồ sơ số 27634.001561.CMĐ.VP”* và in hình dấu của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh cùng chữ ký của Phó giám đốc Trang Sỹ T2 lên phần xác nhận tại trang 3 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên rồi giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1.

Đến cuối tháng 3/2016 ông C, ông T1 thỏa thuận bán phần đất nêu trên cho vợ chồng ông Huỳnh Kim T3 với giá 1.050.000.000 đồng nên nhờ Từ Văn T làm hợp đồng đất cọc số tiền 250.000.000 đồng và đồng thời nhờ T làm thủ tục nộp thuế để Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh xác nhận thực hiện xong nghĩa vụ tài chính vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Kim T3. Lúc này, Từ Văn T muốn chiếm đoạt tiền của ông T1, ông C nên yêu cầu ông T1 mang số tiền 152.000.000 đồng đến trước Chi cục thuế huyện Bình Chánh để đưa cho T đóng thuế, ông T1 tưởng thật nên mang tiền đưa cho T. Sau đó, T về nhà đánh máy và in nội dung biến động: *“Đã thực hiện nghĩa vụ tài chính (Nộp tiền sử dụng đất) theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 1885636 ngày 25/03/2016 của*

NHNN&PTNTCN Bình Chánh. Số biến động: 27616.002670CN.VP” và in hình dấu của Văn phòng đăng ký quyền quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh cùng chữ ký và tên Nguyễn Hồng X lên phần xác nhận trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03047 rồi giao lại cho ông T1.

Sau đó, ông T1 tiếp tục nhờ Từ Văn T liên hệ Phòng công chứng làm thủ tục để hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng đất cho ông T3. Do Từ Văn T sợ Công chứng viên phát hiện việc làm giả nội dung biến động trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi ký hợp đồng chuyển nhượng nên Từ Văn T soạn sẵn Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, in ra 02 bản và in hình dấu của Phòng công chứng An Lạc cùng chữ ký của công chứng viên Trần Kim H lên tờ lời chứng của Công chứng viên.

Đến ngày 15/4/2016 Từ Văn T hẹn vợ chồng ông Nguyễn Văn B, vợ chồng ông Huỳnh Kim T3 và ông Lê Văn T1 đến Văn phòng công chứng An Lạc tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh để ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Khi tất cả có mặt tại bàn tiếp khách của Văn phòng công chứng An Lạc, Từ Văn T đưa 02 bản hợp đồng cho các bên ký tên rồi yêu cầu các bên ngồi chờ để T mang hợp đồng đi gặp Công chứng viên ký xác nhận. Sau đó, Từ Văn T bấm tờ lời chứng của công chứng viên mà T đã làm giả vào hợp đồng mà các bên ký trước đó rồi quay trở lại cho hai bên mua bán xem, đồng thời photo cho ông T3 01 bản và nói giữ lại bản chính để T làm thủ tục sang tên cho ông T3. Ông T3 tưởng thủ tục chuyển nhượng đã xong nên giao đủ tiền cho ông T1 và ông T1 đã giao lại số tiền này cho ông C.

Khoảng tháng 10/2016 do ông T3 hối thúc Từ Văn T làm nhanh thủ tục sang tên đất nên T làm giả Thông báo số 1159/TB ngày 14/10/2011 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh về việc chậm giải quyết hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất và làm giả 01 giấy đề ngày 13/10/2016 có nội dung đã chuyển nhượng một phần thửa đất số 542 cho ông T3. Các giấy giả này có dấu mộc giả của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Bình Chánh và chữ ký giả tên Phó giám đốc Nguyễn Hồng X. Sau đó, Từ Văn T đưa cho ông Huỳnh Kim T3 các giấy tờ giả này và trả cho ông T3 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 29/11/2016, ông Huỳnh Kim T3 mang bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh để tìm hiểu thì được biết các nội dung biến động tại trang 3 và trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03047 không được lưu trữ tại Chi

nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh. Lúc này, ông T3 biết bị lừa nên làm đơn tố cáo đến cơ quan điều tra công an huyện Bình Chánh.

Căn cứ kết luận giám định số 435/KLGD-TT ngày 23/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định:

- Hình dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT* PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG H.BÌNH CHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH” và chữ ký tên Trang Sỹ T2 trên các tài liệu cần giám định được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT* PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG H.BÌNH CHÁNH TP.HỒ CHÍ MINH” và chữ ký tên Nguyễn Hồng X trên trang 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tài liệu cần giám định được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Ngày 20/6/2017, Văn phòng công chứng An Lạc có công văn số 488/VPCCAL xác định: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Công chứng viên Trần Kim H ký tên do ông Huỳnh Kim T3 cung cấp cho cơ quan điều tra là văn bản giả mạo, không có trong hồ sơ lưu.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Văn T1, ông Mã Tấn C yêu cầu bị cáo Từ Văn T phải trả lại số tiền đã bị chiếm đoạt là 182.000.000 đồng.

Đối với việc giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa một bên là vợ chồng ông Huỳnh Kim T3 với một bên là vợ chồng ông Nguyễn Văn B, ông Mã Tấn C, ông Lê Văn T1: Đây là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, là loại tranh chấp được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Do đó, khi có yêu cầu vợ chồng ông T3 được quyền khởi kiện vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên phạt bị cáo Từ Văn T như sau:

Tuyên bố bị cáo Từ Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46 ; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo Từ Văn T 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/4/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 03/10/2017, bị cáo Từ Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Từ Văn T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình nhưng không thừa nhận đã nhận số tiền 182.000.000 đồng từ người bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên.

XÉT THẤY:

Đơn kháng cáo của bị cáo Từ Văn T làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm.

Xét về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Từ Văn T không thừa nhận đã nhận số tiền 182.000.000 đồng của người bị hại. Tuy nhiên bị cáo không có chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình, đồng thời căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, có thể xác định rõ: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2016 đến tháng 10/2016, do cần tiền trả nợ, bị cáo Từ Văn T dù biết trước những việc ông Lê Văn T1, Mã Tấn C nhờ làm là không thể làm được nhưng lại gian dối làm giả các nội dung biến động trên, giả chữ ký của người có thẩm quyền, giả con dấu trên giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức khiến ông T1 và ông C tin tưởng giao tiền cho bị cáo, từ đó bị cáo chiếm đoạt được 182.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự. Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tuyên phạt bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật và không oan sai.

Về hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo Từ Văn T xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không trình bày gì thêm để Hội đồng xét xử xem xét. Nhận thấy bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng vẫn cố tình phạm tội, tại phiên tòa bị cáo không thành khẩn, quanh co chối tội. Bị cáo có mục đích chiếm đoạt tài sản từ

trước, vì ham tiền lười lao động chân chính mà thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần là rất xem thường pháp luật Nhà nước, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là tội phạm cấu thành vật chất, bị cáo phạm tội theo điểm e khoản 2 của điều luật là căn cứ theo tổng giá trị tài sản chiếm đoạt của hai lần bị cáo phạm tội có được nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xác định bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần” là không phù hợp. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm tách việc giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa một bên là vợ chồng ông Huỳnh Kim T3 với một bên là vợ chồng ông Nguyễn Văn B, ông Mã Tấn C, ông Lê Văn T1 ra khỏi vụ án hình sự mà không ghi nhận tại phần quyết định là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã xem xét toàn diện hồ sơ vụ án và tuyên phạt bị cáo 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù là thỏa đáng. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Từ Văn T** và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo **Từ Văn T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Từ Văn T** 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/4/2017.

Tách yêu cầu giải quyết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Kim T3 ra giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Ông Huỳnh Kim T3 được quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp Cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện Bình Chánh; (1)
- P.PC53 – CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (1)
- THA huyện Bình Chánh; (1)
- TAND huyện Bình Chánh; (1)
- Công an huyện Bình Chánh; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa hình sự, hồ sơ (19). (4)

Phạm Uyên Thy